



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 03 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Tổ huyết học - Khoa xét nghiệm**
Medical Laboratory: **Hematology Group - Laboratory Department**
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh**
Organization: **University of Medicine and Pharmacy, Ho Chi Minh City**
Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Field of medical testing: **Hematology**
Người phụ trách/ Representative: **Nguyễn Thị Băng Suong**
Nguyen Thi Bang Suong
Số hiệu/ Code: **VILAS Med 061**
Chuẩn mực công nhận/ Accreditation criteria: **ISO15189:2022**
Hiệu lực/ Validation: từ ngày / /2026 đến ngày / /2031
Địa chỉ/ Address: **215 Hồng Bàng, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh**
215 Hong Bang Streets, Cho Lon Ward, , Ho Chi Minh city
Địa điểm/Location: **215 Hồng Bàng, phường Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh**
215 Hong Bang Streets, Cho Lon Ward, , Ho Chi Minh city
Điện thoại/ Tel: **028 39525620**
Email: **hanhchinh@isolabo.vn**
Website: **www.bvdaihoc.com.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 061

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**

Discipline of medical testing: **Hematology**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Máu toàn phần (Tri-Na Citrate 3.2%) Whole blood (Tri-Na Citrate 3.2%)	Xác định thời gian Prothrombin (%) <i>Determination of Prothrombin time PT (%)</i>	Đo thời gian đông của huyết tương <i>Time measurement of plasma clots</i>	01-ĐM-ISO/QTKT-XN (ACL TOP 550) (2026) 05-ĐM-ISO/QTKT-XN (Sta-R Max) (2026)
2.		Xác định thời gian Prothrombin (s) <i>Determination of Prothrombin Time PT (s)</i>		
3.		Xác định thời gian Prothrombin <i>Determination of Prothrombin Time PT (INR)</i>		
4.		Xác định thời gian Prothrombin (ratio) <i>Determination of Prothrombin Time PT (ratio)</i>		
5.		Xác định thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (s) <i>Determination of Activated Partial Thromboplastin Time aPTT (s)</i>		02-ĐM-ISO/QTKT-XN (ACL TOP 550) (2026) 06-ĐM-ISO/QTKT-XN (Sta-R Max) (2026)
6.		Xác định thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần (ratio) <i>Determination of Activated Partial Thromboplastin Time aPTT (ratio)</i>		
7.		Xác định lượng Fibrinogen <i>Determination of Fibrinogen</i>	Đo quang <i>Optical measurement</i>	03-ĐM-ISO/QTKT-XN (ACL TOP 550) (2026) 07-ĐM-ISO/QTKT-XN (Sta-R Max) (2026)
8.		Xác định thời gian Thrombin <i>Determination of Thrombin time</i>	Đo thời gian đông của huyết tương <i>Time measurement of plasma clots</i>	04-ĐM-ISO/QTKT-XN (ACL TOP 550) (2026) 08-ĐM-ISO/QTKT-XN (Sta-R Max) (2026)
9.		Xác định tốc độ máu lắng (VS) <i>Determination of Erythrocyte sedimentation rate</i>	Đo bằng tia hồng ngoại theo nguyên lý <i>Random access IR LED optical system</i>	09-ĐM-ISO/QTKT-XN (ISED) (2026)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 061

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
10.	Máu toàn phần (EDTA) Whole blood (EDTA)	Đếm số lượng Hồng cầu <i>Red Blood Cell count (RBC)</i>	Tập trung dòng chảy động học + điện trở kháng 1 chiều <i>Hydro Dynamic Focusing and one – way impedance princip</i>	02-HH-ISO/QTKT-XN (Sysmex XN-9000) (2026) 06-HH-ISO/QTKT-XN (Alinity h) (2026)
11.	Máu toàn phần (EDTA) Whole blood (EDTA)	Đếm số lượng Bạch cầu <i>White Blood cell count (WBC)</i>	Phương pháp dòng chảy tế bào sử dụng laser bán dẫn <i>Flow Cytometry Method by using semiconductor laser</i>	01-HH-ISO/QTKT-XN (Sysmex XN-9000) (2026) 05-HH-ISO/QTKT-XN (Alinity h) (2026)
12.		Đếm số lượng Tiểu cầu <i>Platelet count (PLT)</i>	Tập trung dòng chảy động học + điện trở kháng 1 chiều <i>Hydro Dynamic Focusing and one – way impedance principe</i>	04-HH-ISO/QTKT-XN (Sysmex XN-9000) (2026) 08-HH-ISO/QTKT-XN (Alinity h) (2026)
13.		Xác định lượng Huyết sắc tố <i>Determination of Hemoglobin (HGB)</i>	Đo quang <i>Optical measurement</i>	03-HH-ISO/QTKT-XN (Sysmex XN-9000) (2026) 07-HH-ISO/QTKT-XN (Alinity h) (2026)
14.		Định nhóm máu hệ ABO và Rh (D) <i>ABO and Rh (D) blood typing</i>	Phương pháp <i>Gelcard Gelcard method</i>	01-TM-ISO/QTKT-XN (ERYTRA) (2026)

Ghi chú/ Note:

- -TM-ISO/QTKT-XN.....: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Tổ huyết học - Khoa xét nghiệm cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Hematology Group - Laboratory Department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

